

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC THÁI ĐỘ THỰC HÀNH CỦA CÁC PHỤ HUYNH CÓ CON HỌC TIỂU HỌC MẮC COVID-19 TẠI MỘT XÃ CỦA HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Tố Uyên¹, Nguyễn Thị Ánh¹,
Vũ Thị Hoa¹, Bùi Thị Việt Hà¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng kiến thức thái độ thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của phụ huynh có con học tiểu tại một số xã thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và phân tích một số yếu tố liên quan. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang tại 4 xã huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Cỡ mẫu là toàn bộ các phụ huynh phụ huynh có con là học sinh tiểu học bị mắc COVID-19 tại địa điểm nghiên cứu, thu thập được 324 phụ huynh. Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức của các phụ huynh về chăm sóc cho trẻ mắc COVID-19 đạt tốt là 24,4%, thái độ tốt là 90,7% và thực hành tốt 49,7%. Có mối liên quan giữa trình độ văn hóa, kiến thức và thái độ đối với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19. Hành vi đưa con đi tiêm chủng COVID-19 mới đạt 70,6%. Vì vậy cần phải nâng cao kiến thức thái độ và thực hành trong chăm sóc trẻ mắc COVID-19 cho các bậc phụ huynh và đặc biệt phải khuyến khích việc đưa con đi tiêm vắc xin phòng COVID-19.

Từ khóa: Kiến thức, Thái độ, Thực hành, Trẻ em nhiễm COVID-19

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE, PRACTICE OF PARENTS IN CARING FOR PRIMARY SCHOOL CHILDREN WITH COVID-19 IN SOME COMMUNES OF PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE AND SOME RELATED FACTORS

Objectives: The study aims to describe the current status of knowledge, attitude, practice of parents in taking care of primary school children with COVID-19 in one commune of Phu Luong district, Thai Nguyen province and some related factors. **Research Methods:** A cross-sectional descriptive study in 1 communes, Phu Luong district, Thai Nguyen province. Sample size were all parents of primary school children with COVID-19 at the study sites, total of 324 parents. Research results show that parents' knowledge about caring for children with COVID-19 was 24.4%, good attitude was 90.7%, and good practice was 49.7%. There were relationships between educational level, knowledge and attitudes towards practice in caring children with COVID-19. The behaviour of taking children for COVID-19 vaccination reached 70.6%.

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Tố Uyên
Email: nguyenthitouyen@tnmc.edu.vn
Ngày nhận bài: 11.5.2023
Ngày phản biện khoa học: 21.6.2023
Ngày duyệt bài: 13.7.2023

Therefore, it is necessary to improve the knowledge, attitude and practice in caring for children with COVID-19 for parents, especially to encourage parents taking their children to COVID-19 vaccinations.

Keywords: knowledge, attitude, practice, children with COVID-19.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch bệnh COVID-19 đã và đang tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu trên thế giới trong các năm qua do những hệ lụy nghiêm trọng tới sức khỏe của người dân. Thế giới và các quốc gia đã có nhiều nỗ lực trong tăng cường tiêm chủng phòng chống dịch bệnh COVID-19, từ đó mang lại những lợi ích đáng kể như giảm tỷ lệ nhập viện, giảm tỷ lệ biến chứng nặng và tử vong do dịch bệnh COVID-19 [5,7]. Tuy nhiên ở đối tượng trẻ em ở nước ta, việc tiêm chủng chưa được thực hiện mạnh mẽ như ở nhóm người lớn tuổi hơn. Khi mắc bệnh, nhiều bé có triệu chứng nặng như sốt cao kéo dài, khó thở, và khả năng đào thải virut chậm 10 ngày sau mắc vẫn dương tính. Trong bối cảnh như vậy, việc các phụ huynh có con nhỏ mắc COVID-19 có kiến thức, thái độ và thực hành tốt là rất quan trọng trong việc giúp trẻ hồi phục sớm, giảm các triệu chứng nặng và biến chứng nguy hiểm. Chúng tôi tin tưởng rằng bằng việc thực hiện nghiên cứu về thực trạng kiến thức, thái độ, và thực hành chăm sóc trẻ nhỏ đã mắc COVID-19 của các phụ huynh sẽ mang lại những bằng chứng thiết thực cho vấn đề này. Từ đó tạo tiền đề cho các biện pháp can thiệp phù hợp và thích đáng, nhằm giảm các biến chứng nặng của bệnh và triệu chứng hậu COVID-19 cho đối tượng tương lai của đất nước. Đề tài được thực hiện với hai mục tiêu sau:

1. *Mô tả thực trạng kiến thức thái độ thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của phụ huynh có con học tiểu tại một số xã thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.*

2. *Xác định một số yếu tố liên quan đến thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của phụ huynh có con học tiểu tại địa điểm nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Phụ huynh học sinh có con học tiểu học mắc COVID-19 tại xã Động Đạt, Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô

huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Thời gian nghiên cứu: 20/4/2022 – 31/12/2022

2.3. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

- Cỡ mẫu và chọn mẫu: Toàn bộ các phụ huynh có con học tiểu học mắc COVID-19 tại 4 xã Động Đạt, Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô để đưa vào nghiên cứu. Điều tra được 324 phụ huynh có con học tiểu học đã từng mắc COVID-19 trong thời gian nghiên cứu.

2.5. Biến số/ chỉ số nghiên cứu:

- Nhóm biến số về đặc điểm nhân khẩu học: Tuổi, giới, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, quy mô gia đình, số lượng người chăm sóc trẻ, số lượng trẻ cần chăm sóc

- Nhóm biến số về trẻ tiểu học mắc COVID-19: mức độ mắc, các triệu chứng có khi mắc, số lượng ngày dương tính, có phải đi bệnh viện điều trị hay không.

- Nhóm biến số về kiến thức, thái độ thực hành của phụ huynh: hiểu biết về COVID-19, hiểu biết về cách chăm sóc trẻ khi trẻ bị bệnh; hiểu biết về những biến chứng nặng của bệnh; Thái độ khi chăm sóc trẻ mắc bệnh, thái độ với tình trạng sức khỏe của trẻ nhỏ; Thực hành khi chăm sóc trẻ, thực hành khi chuẩn bị dinh dưỡng cho trẻ, thực hành xử trí khi trẻ sốt...

2.5. Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp các phụ huynh có con nhiễm COVID-19 qua bộ phiếu điều tra được thiết kế sẵn.

2.6. Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Phân loại theo mức độ tốt, trung bình và kém được áp dụng với kiến thức, thái độ và thực hành của đối tượng nghiên cứu. Cụ thể đối tượng nghiên cứu sẽ có phân loại tốt nếu trả lời đúng $\geq 80\%$ số câu hỏi, phân loại trung bình nếu trả lời đúng từ 60-79% số câu hỏi và phân loại kém nếu trả lời đúng $< 60\%$ số câu hỏi. Giá trị $p \leq 0,05$ được coi là có giá trị thống kê.

2.7. Đạo đức nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu đã được hội đồng y đức Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên thông qua.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng kiến thức thái độ thực hành của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n=324)

STT	Đặc Điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
-----	----------	----------	---------

A1	Dân tộc	Kinh	178	54,9
		Tày	30	9,3
		Nùng	19	5,9
		Khác	97	29,9
A2	Tuổi	<25	8	2,5
		≥ 25	316	97,5
A3	Trình độ học vấn	Học vấn THPT	173	53,4
		Học vấn thấp hơn THPT	151	46,6
A4	Điều kiện kinh tế	Không đủ ăn/hộ nghèo	32	9,9
		Từ đủ ăn trở lên	292	90,1
A5	Số con trong gia đình	≥ 2 con	268	81,8
		<2 con	56	18,2
A6	Số trẻ bị mắc COVID-19	1 trẻ	138	42,6
		2 trẻ	161	49,7
		>2 trẻ	25	7,7
A7	Các cháu có mắc cùng đợt không?	Có	164	88,6
		Không	21	11,4
A8	Trẻ có mắc bệnh khác trước COVID-19	Có	9	2,8
		Không	315	97,2
A9	Kênh thông tin để tiếp cận COVID-19	Tivi- đài phát thanh	299	92,3
		PTTT mạng xã hội và Internet	224	69,1
		Ban bè đồng nghiệp- hàng xóm	208	64,2
		Nhân viên y tế	223	68,8
		Trưởng học của con anh chị	107	33,0

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu là ở độ tuổi > 25, Có 54,9% là người dân tộc Kinh. Tỷ lệ học vấn tốt nghiệp THPT chỉ đạt 53,4%. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 9,9%. Tivi, đài phát thanh là nguồn chính để đối tượng nghiên cứu tiếp nhận thông tin về phòng chống COVID-19 (92,3%).

Bảng 2: Kiến thức chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

STT	Kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ %
B1	Biết được nguyên nhân gây bệnh COVID-19 ở trẻ nhỏ là do virus	244	75,3
B2	Biết đường lây truyền COVID-19 ở trẻ nhỏ là tiếp xúc trực tiếp, không khí, giọt bắn	260	80,2
B3	Biết từ 2 dấu hiệu chính của bệnh COVID-19 trở lên	324	100
B4	Biết được một xét nghiệm để khẳng định con bị mắc COVID-19	316	97,5

B8	Biết được những biện pháp trẻ có thể làm để ngăn ngừa lây nhiễm COVID-19	272	84,0
B9	Biết rửa tay khử khuẩn là biện pháp để phòng chống COVID-19	311	96,0
B10	Biết chuẩn bị những phương tiện để điều trị trẻ mắc COVID-19 tại nhà	315	97,2
B10	Biết chuẩn bị những loại thuốc để điều trị trẻ bị mắc COVID-19 tại nhà	229	70,7
B11	Biết xin ý kiến tư vấn để mua thuốc cho con khi mắc COVID-19 từ cán bộ trạm y tế	256	79,0
B12	Biết cần phải làm gì khi trẻ mắc COVID-19 sốt trên 38,5 độ	124	38,3
KT chung	Tốt	79	24,4
	Trung bình	169	52,2
	Kém	76	23,4

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu trả lời đúng các câu hỏi về kiến thức COVID-19 khá cao (>70%). Câu trả lời thấp nhất là kiến thức về cách xử trí khi trẻ sốt trên 38,5 độ. Có 52,2% đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt mức trung bình, chỉ có 24,4% đối tượng có kiến thức tốt.

Bảng 3: Thái độ trong chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

STT	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
C1	Việc đeo khẩu trang đúng cách cho trẻ là cần thiết	323	99,7
C2	Rửa tay đúng cách cho trẻ thường xuyên là cần thiết	310	95,7
C3	Vệ sinh mũi họng cho trẻ là cần thiết	289	98,2
C4	Vệ sinh nhà cửa, đồ dùng thường xuyên là biện pháp cần thiết	263	81,2
C5	Cách ly đúng quy định của phong chống dịch là cần thiết	304	93,8
C6	Chuẩn bị một số thuốc như hạ sốt, oresol, vitamin C, giảm ho là cần thiết	313	96,6
C7	Tiêm Vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5-11 tuổi là cần thiết	274	84,6
C8	Nâng cao thể trạng cho trẻ là cần thiết	307	94,8
C9	Giữ 1 số điện thoại của cán bộ y tế để tư vấn khi con bị COVID-19 là cần thiết	305	94,1

Thái độ chung	Tốt	294	90,7
	Trung bình	22	6,8
	Kém	8	2,5

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu trả lời đúng các câu hỏi về thái độ khá cao (>80%). Hơn 90% đối tượng nghiên cứu có thái độ đạt mức tốt, chỉ có 2,5% có thái độ kém.

Bảng 4: Thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

STT	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ
D1	Trẻ ở nhà được người thân chăm sóc	309	95,4
D2	Được chuẩn bị từ 3 vật dụng y tế chăm sóc trẻ trở lên	277	85,5
D3	Được chuẩn bị thuốc để chăm sóc trẻ (ít nhất 3 loại thuốc)	207	63,9
D5	Trẻ được ăn tăng dinh dưỡng, lỏng mềm và chia nhiều bữa	64	19,8
D6	Giữ vệ sinh cho trẻ đúng cách (lau người, thay quần áo khi phù hợp)	217	67,0
D7	Theo dõi chăm sóc giấc ngủ cho trẻ	239	73,8
D8	Rửa tay bằng xà phòng thường xuyên ≥ 3 lần/ ngày	228	70,4
D10	Có số điện thoại, địa chỉ liên hệ với cơ quan chức năng khi bản thân, trẻ có triệu chứng mắc COVID-19	283	87,3
D12	Trẻ đã được tiêm vắc xin phòng COVID-19	228	70,6
Thực hành chung	Tốt	161	49,7
	Trung bình	127	39,2
	Kém	36	11,1

Nhận xét: Tỷ lệ trẻ đã được tiêm vắc xin phòng COVID-19 đạt 70,6%. Có 49,7% đối tượng nghiên cứu có thực hành chung đạt mức tốt, chỉ có 11,1% đối tượng có thực hành chung xếp loại kém.

3.2. Các yếu tố liên quan với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của các đối tượng nghiên cứu

Bảng 5. Mối liên quan giữa thông tin nhân khẩu học với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Thực hành Chưa tốt		Tốt		p
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
Hộ nghèo, cận nghèo	16	50,0	16	50,0	>
Từ đủ ăn trở lên	147	50,3	145	4,7	0,05
Dân tộc Kinh	86	48,3	92	51,7	>
Dân tộc khác	77	52,7	69	47,3	0,05
Học văn thấp hơn	90	59,6	61	44,4	<

Học văn THPT	73	42,2	100	57,8	0,05
Số con ≥ 2 con	137	51,1	131	48,9	>
Ít hơn 2 con	26	46,4	30	53,6	0,05

Nhận xét: Có mối liên quan giữa trình độ học vấn với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 với $p < 0,05$.

Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức chung với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Kiến thức	Thực hành Chưa tốt		Thực hành Tốt		p
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
Chưa tốt	138	56,3	107	43,7	<0,05
Tốt	25	31,6	54	68,4	

Nhận xét: Có mối liên quan giữa kiến thức chung của đối tượng với thực hành chung của họ với $p < 0,05$. Theo đó, kiến thức tốt thì có tỷ lệ thực hành tốt cao hơn.

Bảng 7. Mối liên quan giữa thái độ chung với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Thái độ	Thực hành Chưa tốt		Thực hành Tốt		p
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
Chưa tốt	23	76,7	7	22,2	<0,05
Tốt	140	47,6	154	49,4	

Nhận xét: Có mối liên quan giữa thái độ với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của đối tượng nghiên cứu với $p < 0,05$. Theo đó, những đối tượng thái độ tốt thì có tỷ lệ thực hành tốt cao hơn.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi là một trong số ít nghiên cứu tại Việt Nam khai thác về chủ đề kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 của các phụ huynh có con học tiểu học. Kết quả nghiên cứu cho thấy hơn nửa (52%) đối tượng nghiên cứu có kiến thức chưa tốt về phòng chống COVID-19 ở trẻ nhỏ, tuy nhiên hầu hết đối tượng (90,7%) đều có thái độ tốt. Có 49,4% đối tượng nghiên cứu có thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19 đạt mức tốt và những phụ huynh có kiến thức và thái độ tốt thì có thực hành tốt hơn ($p < 0,05$).

So sánh với các nghiên cứu khác, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ đạt kiến thức tốt tương đối thấp. Nghiên cứu ở đối tượng người lớn ở Bình Dương và Hồ Chí Minh cho thấy gần 80% người dân có kiến thức tốt [1]. Điều đặc biệt là đối tượng nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu có 2 con nhỏ (>80%) tuy vậy tỷ lệ các phụ huynh có kiến thức đạt mức tốt chưa được cao là một điều cần quan tâm. Lý do vì sao đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt mức thấp chưa được rõ, mở ra những hướng nghiên cứu

cho các đề tài tiếp theo. Hơn 90% đối tượng nghiên cứu có tiếp nhận thông tin về COVID-19 qua tivi/ đài phát thanh, và gần 70% đối tượng tiếp nhận thông tin qua nhân viên y tế. Thái độ tốt trong phòng chống COVID-19 ở trẻ nhỏ của đối tượng nghiên cứu của chúng tôi đạt mức 90%, kết quả này là khá tương đồng, thậm chí cao hơn so với một số nghiên cứu tương tự. Một nghiên cứu tại đối tượng người dân tỉnh Bình Dương cho thấy thái độ tốt đạt mức 89,9% [2] trong khi nghiên cứu ở người bệnh ở HCM chỉ đạt 70,7% [1]. Các phụ huynh có con nhỏ tiểu học trong nghiên cứu của chúng tôi còn có mức thái độ tốt tương đồng so với thái độ của các em sinh viên đại học trong nghiên cứu tại Hà Nội với hơn 90% sinh viên có thái độ tốt. Điều này là rất đáng khích lệ vì các phụ huynh có con nhỏ trong nghiên cứu của chúng tôi tuy bận rộn với công việc, gia đình chăm sóc con cái nhưng đều có một nhận thức đúng đắn về vấn đề phòng chống COVID-19 cho trẻ. Tỷ lệ thực hành tốt của các đối tượng nghiên cứu của chúng tôi chỉ đạt 50%, thấp hơn khi so sánh với các nghiên cứu khác ở cùng đối tượng người trưởng thành. Người dân trong nghiên cứu ở Bình Dương có tỷ lệ thực hành tốt rất cao, lên tới 86% [2]. Người bệnh ở HCM cũng có tỷ lệ này đạt mức 76% [1]. Tuy nhiên trong nghiên cứu cho từng nội dung thực hành cụ thể như rửa tay vệ sinh ở đối tượng học sinh trung học cơ sở ở Thanh Hóa [4] đã cho thấy 41,7% có thực hành đúng ở trường, khá tương đồng với tỷ lệ thực hành tốt của chúng tôi.

Về các yếu tố liên quan tới thực hành tốt của đối tượng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng kiến thức tốt và thái độ tốt có liên quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Kết quả nghiên cứu này tương đồng với một số nghiên cứu khác như nghiên cứu trên người bệnh ở HCM [1], nghiên cứu trên học sinh trung học phổ thông tại Hưng Yên, Cần Thơ [3]. Trong khi một số nghiên cứu khác tìm ra các yếu tố khác liên quan tới thực hành tốt như nghề nghiệp (Bình Dương), giới tính, học lực trong nghiên cứu tại Hưng Yên, năm học/ khối lớp trong nghiên cứu ở Hà Nội, và Thanh Hóa [4] thì những kết quả đó không được tìm ra ở nghiên cứu của chúng tôi. Đây cũng là một hướng mở ra cho những nghiên cứu sau này nhằm nâng cao hiệu quả của việc phòng chống COVID-19 ở đối tượng nghiên cứu.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức của các phụ huynh về chăm sóc cho trẻ mắc COVID-19 đạt tốt là 24,4%, thái độ tốt là 90,7% và thực

hành tốt 49,7%. Có mối liên quan giữa trình độ văn hóa, kiến thức và thái độ đối với thực hành chăm sóc trẻ mắc COVID-19. Tỷ lệ trẻ đã được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 mới đạt 70,6% trong đối tượng nghiên cứu. Vì vậy cần phải nâng cao kiến thức thái độ và thực hành trong chăm sóc trẻ mắc COVID-19 cho các bậc phụ huynh và đặc biệt phải khuyến khích việc đưa con đi tiêm vắc xin phòng COVID-19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Huỳnh Giao, Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Thị Ngọc Hân** (2021), Kiến thức thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 của người bệnh tại bệnh viện Quân 2 thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí y học thành phố Hồ Chí Minh, tập 25 số 2.
2. **Lê Hồng Liêm, Trần Thị Yến Duyên và cộng sự** (2022), Khảo sát Kiến thức thái độ thực hành và các yếu tố ảnh hưởng phòng chống COVID-19 của người dân trong thời kỳ bình thường mới tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương, Tạp chí y dược học Cần Thơ số 50.
3. **Đỗ Thủy Ngân, Lương Thị Thuỳên, Nguyễn Hữu Nhân, Nguyễn Ngọc Huyền** (2022), Nghiên cứu kiến thức thái độ thực hành và các yếu tố ảnh hưởng phòng chống COVID-19 của học sinh trung học phổ thông tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ năm 2021, Tạp chí y Dược học Cần Thơ số 50.
4. **Nguyễn Đăng Vững, Trần Đức Minh, Lương Ngọc Trương, Phạm Thị Thu Trang** (2021), Kiến thức thái độ thực hành vệ sinh tay của học sinh trung học cơ sở và một số yếu tố liên quan, Tạp chí nghiên cứu y học 114 (8).
5. **Kim, C., Yee, R., Bhatkoti, R., Carranza, D., Henderson, D., Kuwabara, S. A., et al.** (2022). COVID-19 Vaccine Provider Access and Vaccination Coverage Among Children Aged 5-11 Years - United States, November 2021-January 2022. MMWR Morb Mortal Wkly Rep, 71(10), 378-383.
6. **Radtke, T., Ulyte, A., Puhan, M. A., Kriemler, S.** (2021). Long-term Symptoms After SARS-CoV-2 Infection in Children and Adolescents. JAMA.
7. **Sari, E., Terin, H., Acikel, S. B., Akkaya, B., Senel, S.** (2021). An exploration of parental awareness, knowledge, and concerns related to COVID-19. Ann Clin Psychiatry, 33(3), 180-186

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, THEO DÕI VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH RĂNG MIỆNG CHO CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CỦA CÔNG AN TỈNH NAM ĐỊNH

Nguyễn Hữu Bản¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả một số giải pháp quản lý, theo dõi và điều trị bệnh răng miệng cho cán bộ chiến sĩ của Công an tỉnh Nam Định. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu can thiệp cộng đồng có đối chứng, với 843 cán bộ chiến sĩ của Công an tỉnh Nam Định. Chọn ngẫu nhiên mỗi vùng miền của tỉnh Nam Định là 2 đơn vị và từ 02 đơn vị đã chọn, chọn ngẫu nhiên một đơn vị cho vào nhóm chứng, một đơn vị cho vào nhóm điều trị, trong mỗi đơn vị đã chọn, chọn mẫu toàn bộ cán bộ chiến sĩ công an của mỗi đơn vị. Thông tin được thu thập bằng bộ câu hỏi, bệnh án nghiên cứu thông qua hỏi tiếp và khám lâm sàng. **Kết quả:** Có 803 người (chiếm 95,2%) mắc bệnh răng miệng, trong đó 766 (chiếm 90,8%) bị sâu răng và 797 người (chiếm 94,5%) bị bệnh quanh răng. Hiệu quả can thiệp một số bệnh về răng miệng sau 06 tháng áp dụng một số giải pháp quản lý, theo dõi và điều trị đối với bệnh răng miệng là 35%, đối với bệnh sâu răng là 35,3%, đối với bệnh quanh răng là 16,9%, đối với bệnh viêm lợi là 14,7%, đối với bệnh viêm quanh răng là 21,6%. **Kết luận:** Tỷ lệ mắc bệnh về răng miệng ở cán bộ,

chiến sĩ rất cao và có hiệu quả can thiệp là khá tốt khi áp dụng một số giải pháp quản lý, theo dõi và điều trị bệnh răng miệng cho cán bộ chiến sĩ, nên cần tiếp tục duy trì một số giải pháp quản lý, theo dõi và điều trị bệnh răng miệng cho cán bộ chiến sĩ công an.

Từ khóa: giải pháp quản lý, theo dõi, điều trị, bệnh răng miệng, cán bộ chiến sĩ công an

SUMMARY

RESEARCHING SOME SOLUTIONS FOR MANAGEMENT, MONITORING AND TREATMENT OF ORAL DISEASE FOR POLICE OFFICERS AND SOLDIERS OF NAM DINH PROVINCIAL POLICE

Object: Evaluating the effectiveness of some solutions to manage, monitor and treat oral diseases for officers and soldiers of Nam Dinh Provincial Police. **Subjects and research methods:** A controlled community intervention study with 843 officers and soldiers of the Nam Dinh Provincial Police. Randomize each region of Nam Dinh province is 2 units and from 02 selected units, randomly select one unit for control group, one unit for treatment group, in each selected unit, select sample of all police officers and soldiers of each unit. Information was collected by questionnaires, research medical records through direct questioning and clinical examination. **Results:** There are 803 people (accounting for 95.2%) with dental disease, of which 766 (accounting for 90.8%) have dental caries and 797 people (accounting for

¹Trường Đại học Lương Thế Vinh, Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hữu Bản

Email: nguyenhuuban2102@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.6.2023

Ngày duyệt bài: 10.7.2023